

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, ngày 17/11/2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 25382/HĐĐG-VTA/QN ngày 24/9/2025 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Quảng Ninh và Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An.

- Căn cứ Quy chế cuộc đấu giá số 3047/2025/QC-VTA ngày 24/9/2025 của Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An.

Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An thông báo kế hoạch đấu giá tài sản như sau:

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An - Địa chỉ: 03 Lý Văn Phúc, P.Tân Định, TP.HCM.

2. Người có tài sản đấu giá:

UBND xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị

Đơn vị được giao thực hiện: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Quảng Ninh (Sau đây gọi tắt: Ban Quản lý dự án).

Địa chỉ: 127 Nguyễn Hữu Cảnh, thôn Trung Trinh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị.

3. Tài sản đấu giá, nguồn gốc và tình trạng pháp lý.

3.1 Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ:

SỐ TT	Thửa đất số	Tờ BĐDC số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Tiền đặt trước (đồng/thửa)	Tiền mua hồ sơ (đồng/hồ sơ)
61 thửa đất thuộc Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bắc Ninh 2 xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị)						
1	1865	16	406	3.410.400.000	630.000.000	200.000
2	1875	16	400,1	3.360.840.000	630.000.000	200.000
3	1863	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
4	1864	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
5	1866	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
6	1869	16	397,7	2.863.440.000	530.000.000	200.000
7	1873	16	439,1	3.161.520.000	630.000.000	200.000
8	1876	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
9	1879	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
10	1881	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
11	1883	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
12	1886	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
13	1890	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000

14	1894	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
15	1896	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
16	1899	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
17	1902	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
18	1905	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
19	1908	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
20	1911	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
21	1915	16	300	1.800.000.000	360.000.000	200.000
22	1918	16	449,9	3.239.280.000	630.000.000	200.000
23	1928	16	449,6	2.697.600.000	530.000.000	200.000
24	1935	16	489,8	2.938.800.000	530.000.000	200.000
25	1877	16	325,7	1.954.200.000	360.000.000	200.000
26	1884	16	401,2	2.407.200.000	440.000.000	200.000
27	1897	16	369	2.214.000.000	440.000.000	200.000
28	1904	16	400,5	2.403.000.000	440.000.000	200.000
29	1871	16	285,5	1.142.000.000	220.000.000	200.000
30	1872	16	284,9	1.139.600.000	220.000.000	200.000
31	1874	16	284,3	1.137.200.000	220.000.000	200.000
32	1888	16	285,6	1.142.400.000	220.000.000	200.000
33	1892	16	285,8	1.143.200.000	220.000.000	200.000
34	1895	16	286	1.144.000.000	220.000.000	200.000
35	1898	16	286,2	1.144.800.000	220.000.000	200.000
36	1900	16	286,4	1.145.600.000	220.000.000	200.000
37	1903	16	286,6	1.146.400.000	220.000.000	200.000
38	1906	16	286,8	1.147.200.000	220.000.000	200.000
39	1909	16	287,1	1.148.400.000	220.000.000	200.000
40	1912	16	287,3	1.149.200.000	220.000.000	200.000
41	1916	16	287,5	1.150.000.000	220.000.000	200.000
42	1919	16	287,7	1.150.800.000	220.000.000	200.000
43	1921	16	287,9	1.151.600.000	220.000.000	200.000
44	1923	16	288,1	1.152.400.000	220.000.000	200.000
45	1925	16	288,3	1.153.200.000	220.000.000	200.000
46	1889	16	301,2	1.204.800.000	220.000.000	200.000
47	1893	16	301,2	1.204.800.000	220.000.000	200.000
48	1907	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
49	1910	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
50	1913	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
51	1917	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
52	1920	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
53	1922	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
54	1924	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
55	1926	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
56	1927	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
57	1930	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
58	1931	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
59	1932	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
60	1933	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000
61	1934	16	300	1.200.000.000	220.000.000	200.000

**58 thửa đất ở thuộc Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bắc Ninh 3
(giai đoạn 1) xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
(nay là xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị)**

62	2063	16	456,5	3.560.700.000	710.000.000	200.000
63	2064	16	288	1.872.000.000	360.000.000	200.000
64	2065	16	288	1.872.000.000	360.000.000	200.000
65	2066	16	288	1.872.000.000	360.000.000	200.000
66	2067	16	288	1.872.000.000	360.000.000	200.000
67	2068	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
68	2069	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
69	2070	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
70	2071	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
71	2072	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
72	2073	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
73	2074	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
74	2075	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
75	2076	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
76	2077	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
77	2078	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
78	2079	16	374,6	2.921.880.000	580.000.000	200.000
79	2084	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
80	2085	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
81	2086	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
82	2087	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
83	2088	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
84	2089	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
85	2090	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	100.000
86	2091	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
87	2092	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
88	2093	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
89	2094	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
90	2095	16	424,2	3.308.760.000	660.000.000	200.000
91	2096	16	441,6	3.444.480.000	660.000.000	200.000
92	2097	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
93	2098	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
94	2099	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
95	2100	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
96	2101	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
97	2102	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
98	2103	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
99	2104	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
100	2105	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
101	2106	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
102	2107	16	280,5	1.823.250.000	360.000.000	200.000
103	2108	16	405,6	3.163.680.000	580.000.000	200.000
104	2108	16	280,5	1.716.000.000	310.000.000	200.000
105	2110	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
106	2111	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
107	2112	16	264	1.716.000.000	310.000.000	200.000
108	2113	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
109	2114	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000

102
CÔNG
GIÁ
N T
1-7

110	2115	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
111	2116	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
112	2117	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
113	2118	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
114	2119	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
115	2120	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
116	2121	16	264	1.573.000.000	310.000.000	200.000
117	2122	16	242	1.573.000.000	310.000.000	200.000
118	2123	16	242	1.573.000.000	310.000.000	200.000
119	2124	16	399,7	3.117.660.000	580.000.000	200.000
Tổng cộng			35,750.2	210.107.540.000		

- Loại đất : Đất ở tại nông thôn (ONT)
- Hình thức giao đất : Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- Thời gian sử dụng đất : Ổn định lâu dài
- Tài sản gắn liền với đất: Hiện trạng các thửa đất đã giải phóng mặt bằng sạch, không có tài sản trên đất

Lưu ý:

- Mức giá trên chưa bao gồm các khoản phí, lệ phí phải nộp khi làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định;
- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ theo quy định, nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế;
- Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm sử dụng đất theo đúng mục đích đấu giá.

3.2 Nguồn gốc và tình trạng pháp lý tài sản: Đất được UBND xã Quảng Ninh giao cho Ban Quản lý dự án tổ chức thực hiện việc đấu giá để giao đất có thu tiền sử dụng đất.

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Từ 08 giờ 00 phút ngày 01/10/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/10/2025 (trong giờ hành chính các ngày làm việc) - Địa điểm: Vị trí các thửa đất tại mục 3.1 nêu trên (liên hệ Mr Dân, số ĐT: 0906.878.808). Người đi xem tài sản tự túc phương tiện và chi phí.

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; địa điểm bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Nộp phiếu trả giá Từ 08 giờ 00 phút ngày 26/9/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/10/2025 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

5.1 Địa điểm bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An - Địa chỉ: Số 03 Lý Văn Phúc, P. Tân Định, Quận 1, TP. HCM;
- Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An Chi nhánh Quảng Trị - Địa chỉ: Số 148 Phạm Văn Đồng, KDC Nam Diêm, P.Đồng Hới, T.Quảng Trị.
- Tại trụ sở Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Quảng Ninh - Địa chỉ: Số 127 Nguyễn Hữu Cảnh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị

5.2 Địa điểm nộp phiếu trả giá:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An Chi nhánh Quảng Trị - Địa chỉ: Số 148 Phạm Văn Đồng, KDC Nam Diêm, P.Đông Hới, T.Quảng Trị.

- Tại trụ sở Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Quảng Ninh - Địa chỉ: Số 127 Nguyễn Hữu Cảnh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị

6. Ngày giờ bắt đầu và hết hạn nộp tiền đặt trước:

Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 08 giờ 00 phút ngày 26/9/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/10/2025.

- Phương thức nộp: chuyển khoản

- Đơn vị thụ hưởng : Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An;

- Số tài khoản : 8605.837.888

- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình;

Nội dung nộp tiền, ví dụ:

* Trường hợp trực tiếp nộp tiền đặt trước: *Nguyễn Văn A nộp tiền đặt trước TGDG theo Quy chế số 3047;*

* Trường hợp nộp thay tiền đặt trước: *Nguyễn Văn B nộp thay Nguyễn Văn A tiền đặt trước TGDG theo Quy chế số 3047;*

Những người đăng ký tham gia đấu giá trong cùng một cuộc đấu giá tài sản không được nộp tiền đặt trước hộ nhau. Nếu người tham gia đấu giá này nộp tiền đặt trước hộ người cùng tham gia đấu giá khác thì người được nộp hộ sẽ không được quyền tham gia đấu giá (người tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về quy định này).

(Mọi trường hợp tiền đặt trước báo có tài khoản của tổ chức đấu giá sau 17 giờ 00 phút ngày 14/10/2025 và/hoặc khoản tiền đặt trước không thể hiện tên người nộp và/hoặc không có nội dung nộp tiền và/hoặc nội dung nộp tiền không phù hợp theo thông tin đấu giá đều không đủ điều kiện tham gia đấu giá).

7. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- **Điều kiện đăng ký:** Người tham gia đấu giá thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp hành tốt pháp luật đất đai và phương án đấu giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật ĐGTS 2016 SĐBS 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan (nếu có),

- **Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:** Khách hàng có nhu cầu mua hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tại các địa điểm nêu trên. Trường hợp không tự mình mua/nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền cho người khác đến mua/nộp hồ sơ và/hoặc tham gia đấu giá theo đúng thời hạn quy định đã thông báo.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- **Thời gian:** Vào hồi 09h00 phút ngày 17/10/2025.

- **Địa điểm:** Tại Hội trường Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ Quảng Ninh: Số 127 Nguyễn Hữu Cảnh, thôn Trung Trinh, xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị

Lưu ý:

- Người tham gia đấu giá cần đến trước thời gian tổ chức phiên đấu giá tối thiểu là 30 phút để làm thủ tục vào phòng đấu giá.

- Tại phiên đấu giá, nếu người tham gia đấu giá vắng mặt hoặc không có mặt đúng thời gian và địa điểm mà không thuộc trường hợp bất khả kháng thì số tiền đặt trước sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

- Khi đến tham dự phiên đấu giá người tham gia đấu giá phải xuất trình bản chính CCCD/HC (còn thời hạn); Chứng từ xác định việc đã nộp khoản tiền đặt trước.

9. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

- Bước giá: Không áp dụng bước giá (Trả giá tự do từ giá khởi điểm trở lên).

Trường hợp tại buổi công bố giá có từ 02 người trở lên cùng trả giá cao nhất và hợp lệ thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Việc tổ chức đấu giá tiếp này cũng không áp dụng bước giá và thực hiện đấu giá bằng hình thức: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá (bỏ phiếu 01 vòng duy nhất).

10. Phiếu trả giá; Phiếu trả giá hợp lệ và phiếu trả giá không hợp lệ:

a. Phiếu trả giá:

- Phiếu trả giá được phát hành theo mẫu in sẵn có đóng dấu treo của Công ty Vạn Thành An; được phát hành theo hồ sơ mời tham gia đấu giá bán cho người tham gia đấu giá.

- Người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ, chính xác các nội dung trên phong bì đựng phiếu và phiếu trả giá, có chữ ký và họ tên của người trả giá, thông tin và chữ ký của người trả giá trong phiếu phải trùng với các thông tin và chữ ký của người trả giá ngoài phong bì đựng phiếu và trong Phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

- Phiếu trả giá được bỏ vào phong bì được bọc bằng chất liệu bảo mật, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu.

- Phiếu trả giá được người tham gia đấu giá bỏ vào thùng phiếu trong thời gian quy định.

b. Phiếu trả giá hợp lệ: Là những phiếu đáp ứng đủ các điều kiện:

- Về hình thức: Do Công ty Vạn Thành An phát hành có đóng dấu treo; phải được bỏ trong phong bì, có chữ ký của người trả giá tại mép dán của phong bì đựng phiếu; không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc rách nát; mỗi phong bì đựng phiếu chỉ được bỏ một phiếu trả giá.

- Về nội dung:

+ Phải ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên phong bì đựng phiếu và phiếu trả giá, có chữ ký và họ tên của người trả giá, thông tin và chữ ký của người trả giá trong phiếu phải trùng với các thông tin và chữ ký của người trả giá ngoài phong bì đựng phiếu và trong Phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

+ Chỉ được trả 01 mức giá duy nhất/01 phiếu trả giá. Chỉ viết cùng một màu mực, không dùng mực màu đỏ. Số tiền ghi trong phiếu (giá trả) phải từ giá

khởi điểm trở lên, được ghi rõ ràng bằng số và bằng chữ, không sai lệch giữa bằng số và bằng chữ.

+ Số tiền đặt trước đã nộp phải tương ứng với thửa đất ghi trên phiếu trả giá.

4. Phiếu trả giá không hợp lệ: Là phiếu không đảm bảo một trong các điều kiện của phiếu trả giá hợp lệ nêu trên; người tham gia đấu giá đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia buổi công bố giá; người tham gia đấu giá chưa nộp tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá cho thửa đất đăng ký; người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá không đủ cho thửa đất đăng ký. Phong bì đựng phiếu trả giá không có phiếu trả giá bên trong.

- Trường hợp người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá chỉ đủ cho 01 thửa đất hoặc một số thửa đất, không đủ cho tất cả các thửa đất đã bỏ phiếu trả giá thì chỉ được công nhận là phiếu trả giá hợp lệ cho số thửa đất tương ứng đã nộp đủ tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá theo thứ tự công bố kết quả từng thửa đất của đấu giá viên.

- Cá nhân đăng ký tham gia đấu giá chỉ được bỏ một phiếu trả giá cho một thửa đất đăng ký. Trường hợp bỏ hai phiếu trả giá trở lên cho cùng một thửa đất thì tất cả các phiếu trả giá đó đều không hợp lệ.

Chi tiết xin tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá số 3047/2025/QC-VTA ngày 24/9/2025 của Công ty Vạn Thành An hoặc liên hệ Mr Dân, số ĐT: 0906.878.808 hoặc số hotline: 0948.68.99.86.

(Lưu ý: Thông báo này thay thư mời tham gia đấu giá).

Nơi nhận:

- Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ Quảng Ninh;
- Niêm yết theo quy định;
- Niêm yết tại Công ty Vạn Thành An;
- Khách hàng đăng ký mua đấu giá;
- Lưu: VT, HS.



CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT)

XÃ VÕ NINH

(10-926566+926572+932566) TỜ SỐ 16

TÊN KHU ĐẤT: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ BẮC NINH - XÃ VÕ NINH, HUYỆN QUẢNG NINH (GIAI ĐOẠN 2)

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND.....)

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN QUẢNG NINH



BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOẠ ĐỘ VN - 2000)

TT	X(m)	Y(m)	Chiều dài cạnh (m)
1	1925606.85	571934.10	22.62
2	1925618.11	571953.72	101.61
3	1925542.48	572021.58	20.61
4	1925528.70	572006.26	3.88
5	1925531.59	572003.67	110.63
6	1925484.37	571903.62	217.00
7	1925391.74	571707.36	87.58
8	1925471.87	571672.02	219.58
9	1925565.29	571870.73	8.29
10	1925572.88	571867.39	74.86
1	1925606.85	571934.10	

XÃ HẢI NINH

(Có Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính
(phục vụ giao đất) kèm theo))

Do vẽ, ngày 27 tháng 8 năm 2023
CÔNG TY TNHH ĐO LƯỜNG VÀ THIẾT KẾ TỶ LỆ HÓA BÌNH

Xác nhận, ngày 28 tháng 8 năm 2023
CHỦ ĐẦU TƯ

TỶ LỆ 1:1000

Kiểm tra, ngày 31 tháng 8 năm 2023
PHÒNG ĐO LƯỜNG BẢN ĐỒ VÀ VIỆN THĂM TRƯỞNG KHONO

Duyệt, ngày 31 tháng 8 năm 2023
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Cao Phúc Đống



Cao Phúc Đống

Phan Xuân Hào

Cải Việt Thiết

Nguyễn Ngọc Thu

CHỈNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT)

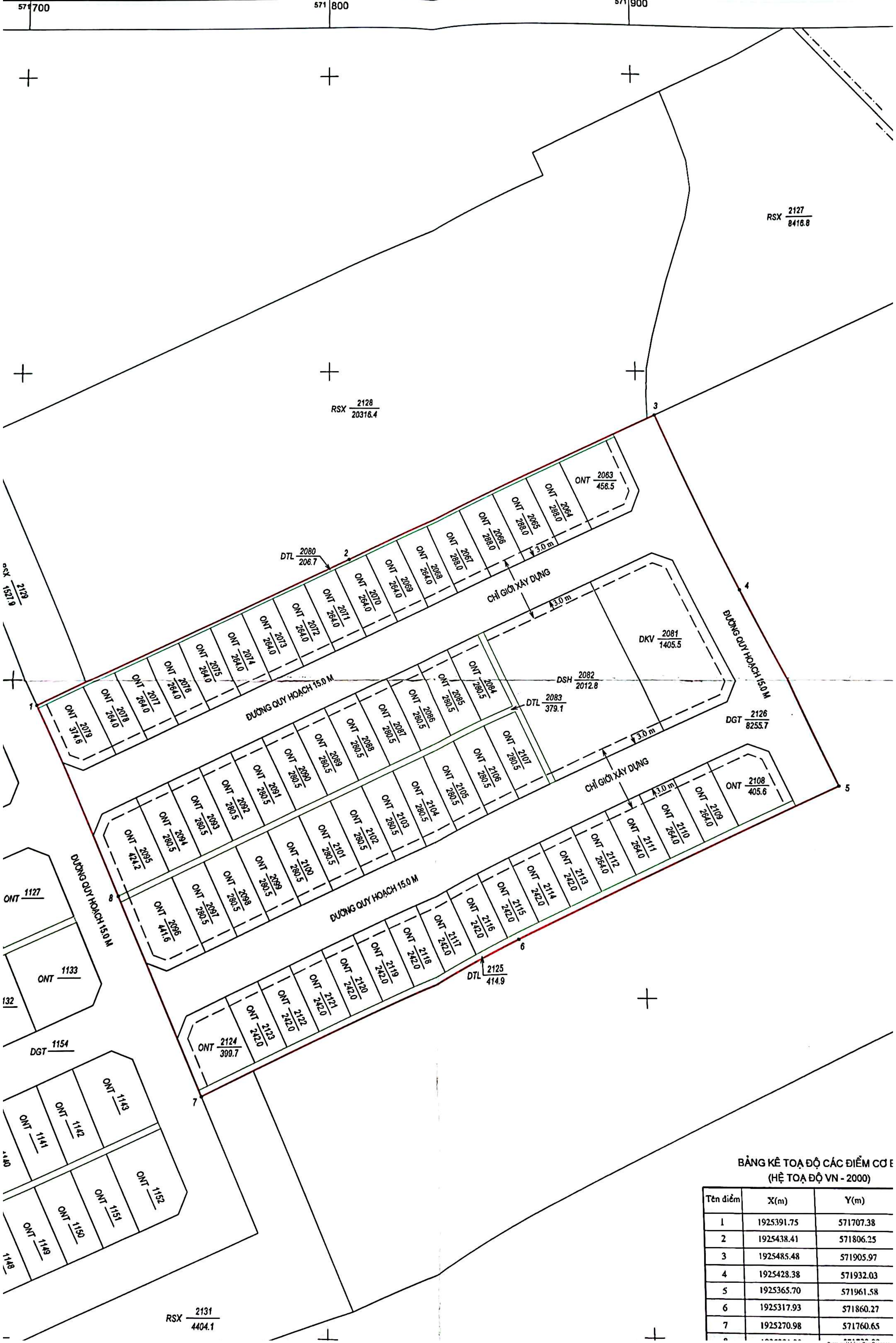
XÃ VÕ NINH

(10-926566+926572+932566) TỜ SỐ 16

TÊN KHU ĐẤT: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ BẮC NINH 3 (GIẢI ĐOẠN 1)

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND.....)

TỈNH QUẢNG NINH



RSX $\frac{2127}{8416.8}$

RSX $\frac{2128}{20316.4}$

RSX $\frac{2129}{15171.6}$

DGT $\frac{2126}{8255.7}$

DTL $\frac{2125}{414.9}$

RSX $\frac{2131}{4404.1}$

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ F (HỆ TOẠ ĐỘ VN - 2000)

Tên điểm	X(m)	Y(m)
1	1925391.75	571707.38
2	1925438.41	571806.25
3	1925485.48	571905.97
4	1925428.38	571932.03
5	1925365.70	571961.58
6	1925317.93	571860.27
7	1925270.98	571760.65